TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/DS-ST
Ngày 06-01-2026
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Hảo

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Lợi

- Thư ký phiên toà: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Đỗ Thị Bích Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 209/2025/TLST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2025/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 36/2025/QĐST-DS ngày 19 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP Đ; địa chỉ trụ sở: Đường N, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Đặng Quốc H; nơi cư trú: Thôn N, xã P, tỉnh Hưng Yên; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền số 17335 ngày 25/8/2025); có mặt.

- *Bị đơn:* Ông Lưu Văn H, sinh năm 1977 và bà Trần Thị T, sinh năm 1980; cùng cư trú: Đường H, phường L, thành phố Hải Phòng; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 8 năm 2025, nguyên đơn trình bày như sau:

Ngày 11/04/2019, Ngân hàng TMCP Đ và ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T đã ký kết Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV/PVB- HBT với nội dung cơ bản như sau:

Số tiền vay: 650.000.000 đồng.

Thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Mục đích sử dụng số tiền vay: Vay mua ô tô tiêu dùng.

Lãi suất trong hạn: Từ ngày 12/04/2019 đến hết ngày 11/04/2020 lãi suất bằng: 8.99%/năm. Từ ngày 12/04/2020 lãi suất điều chỉnh 03 tháng/lần, bằng lãi suất cơ sở + Biên độ tối thiểu 4.5%/năm. Trong đó: Lãi suất cơ sở là lãi suất tiền gửi Ngân hàng TMCP Đ lĩnh lãi cuối kỳ của khen, có loại tiền bằng VND, kỳ hạn 13 tháng theo biểu lãi suất huy động của Ngân hàng TMCP Đ công bố từng thời kỳ.

Lãi suất quá hạn: Bằng 150% lãi suất trong hạn áp dụng tại ngày đến hạn đối với số dư nợ gốc đến hạn nhưng chưa trả được.

Tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Sorento, số chỗ ngồi: 07, số khung: 51A6JC142227, số máy: G4KEJD013839, BKS: 30F-706.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/04/2019 cho HKD Lưu Văn H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 386/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/04/2019. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 12/04/2019 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội.

Ngày 12/04/2019, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T số tiền 650.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết. Trong quá trình thực hiện theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng, ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 696.348.960 đồng; trong đó: Nợ gốc: 469.425.955 đồng; nợ lãi trong hạn: 207.606.378 đồng; nợ lãi quá hạn: 16.167.186 đồng; lãi phạt chậm trả lãi: 3.149.441 đồng.

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Ngày 20/02/2023, Ngân hàng TMCP Đ có gửi công văn số 3136/PVB-QL&TCTTS về việc vi phạm nghĩa vụ và thu hồi nợ trước hạn, yêu cầu ông H, bà T tất toán khoản vay trước ngày 28/02/2023. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện tại ông H, bà T vẫn không thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cho vay số

277/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 tạm tính đến ngày 30/7/2025 là: 252.575.257 đồng và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 31/7/2025 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trường hợp ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp sau đây để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Đ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Sorento, biển số đăng ký 30F-706.40, có số khung 51A6JC142227 và số máy G4KEJD013839 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/4/2019 tên chủ xe HKD Lưu Văn H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 386/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/4/2019.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Lưu Văn H trình bày:

Ngày 11/04/2019, Ngân hàng TMCP Đ và vợ chồng ông đã ký kết Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV/PVB- HBT với nội dung đúng như Ngân hàng TMCP Đ trình bày.

Căn cứ theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 386/2019/HĐBD/PVB-HBT ngày 11/04/2019, tài sản bảo đảm cho khoản vay là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Sorento, số chỗ ngồi: 07, số khung: 51A6JC142227, số máy: G4KEJD013839, BKS: 30F-706.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/04/2019 cho HKD Lưu Văn H.

Ngày 12/04/2019, Ngân hàng TMCP Đ đã thực hiện giải ngân cho vợ chồng ông số tiền 650.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, vợ chồng ông đã thực hiện được một phần nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 696.348.960 đồng; trong đó: Nợ gốc: 469.425.955 đồng; nợ lãi: 226.923.005 đồng.

Nay Ngân hàng TMCP Đ khởi kiện vợ chồng ông, quan điểm của ông như sau:

Ông xác nhận vợ chồng ông đã ký với Ngân hàng TMCP Đ Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp như Ngân hàng TMCP Đ trình bày. Ông xác nhận tính đến ngày 29/10/2025 vợ chồng ông còn nợ Ngân hàng TMCP Đ là: 262.908.343 đồng; trong đó nợ gốc là 180.574.045 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.755.231 đồng; nợ lãi quá hạn là 58.579.068 đồng. Đề nghị Ngân hàng TMCP Đ cho vợ chồng ông

được miễn toàn bộ số tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn và lãi phạt. Số tiền nợ gốc vợ chồng ông cam kết sẽ toàn bộ trong thời hạn 02 tháng tính từ ngày 29/10/2025.

Về việc Toà án yêu cầu vợ chồng ông mang xe đến để thẩm định thì hiện nay chiếc xe vợ chồng ông đang sử dụng vào công việc ở xa nên không thể mang đến Toà án để thẩm định được. Hiện nay, vợ chồng ông vẫn đang quản lý, sử dụng chiếc xe này.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Trần Thị T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng bà T đều vắng mặt không có lý do, không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không ghi được lời khai của bà T.

Tòa án đã ra quyết định xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp 02 lần nhưng ông H và bà T không mang tài sản thế chấp đến theo yêu cầu của Tòa án nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ không tiến hành được.

* Tại phiên tòa.

Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể như sau:

- Yêu cầu ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và các loại phí phát sinh theo hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 tạm tính đến ngày 06/01/2026 là: 270.743.315 đồng (trong đó: Nợ gốc là 180.574.045 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.755.231 đồng, nợ lãi quá hạn là 62.020.492 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 4.393.547 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 07/01/2026 cho đến khi tất toán khoản vay.

- Trường hợp ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng TMCP Đ có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền kê biên, xử lý tài sản thế chấp sau đây để thu hồi toàn bộ nợ cho Ngân hàng TMCP Đ: 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Sorento, biển số đăng ký 30F-706.40, có số khung 51A6JC142227 và số máy G4KEJD013839 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/4/2019 tên chủ xe HKD Lưu Văn H theo Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 386/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/4/2019.

- Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

Bị đơn ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

Kiểm sát viên có ý kiến như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại các điều 70; 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 275; 280; 292; 293; 295; 299 của Bộ luật Dân sự; các điều 90; 91; 94; 95; 98 Luật Các tổ chức tín dụng:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền tính đến ngày 06/01/2026 là: 270.743.315 đồng (trong đó: Nợ gốc là 180.574.045 đồng, nợ lãi trong hạn là 23.755.231 đồng, nợ lãi quá hạn là 62.020.492 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 4.393.547 đồng) và tiền lãi, phí phát sinh theo thoả thuận trong hợp đồng cho vay kể từ ngày 07/01/2026 cho đến khi tất toán khoản vay.

Trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ, Ngân hàng TMCP Đ có quyền đề nghị cơ quan có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm là 01 xe ô tô nhãn hiệu Kia Sorento, biển số đăng ký 30F-706.40, có số khung 51A6JC142227 và số máy G4KEJD013839 theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông Công an thành phố Hà Nội cấp ngày 10/4/2019 tên chủ xe HKD Lưu Văn H để thu hồi nợ.

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016: Bị đơn phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho nguyên đơn tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên toà, Tòa án nhận định:

- Về áp dụng pháp luật tố tụng:

+ Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1] Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh là Ngân hàng TMCP Đ và cá nhân là ông Lưu Văn H, bà Trần Thị T không có mục đích kinh doanh được quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn cư trú tại phường Lê Chân, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án.

+ Về sự vắng mặt của bị đơn:

[2] Tòa án đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về áp dụng pháp luật nội dung:

+ Về tính pháp lý của các Hợp đồng tín dụng:

[3] Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019 giữa Ngân hàng TMCP Đ và ông Lưu Văn H, bà Trần Thị T phù hợp với quy định tại các điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự. Các bên tham gia giao kết Hợp đồng tín dụng trên cơ sở tự nguyện, các điều khoản không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng trên là hợp pháp, làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các bên.

+ Về số tiền nợ:

[4] Về số tiền nợ gốc: Quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng, nguyên đơn đã thực hiện việc giải ngân cho bị đơn nhưng bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thoả thuận trong hợp đồng. Do đó, nguyên đơn đã chuyển toàn bộ số tiền nợ sang nợ quá hạn từ ngày 28/7/2023. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán khoản nợ gốc theo thoả thuận tại Hợp đồng tín dụng hai bên đã ký kết. Căn cứ Điều 466 Bộ luật Dân sự và các bảng kê tính lãi nguyên đơn cung cấp, bản tự khai của bị đơn, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn toàn bộ số tiền nợ gốc là 180.574.045 đồng.

[5] Về số tiền nợ lãi: Việc các bên thoả thuận về lãi suất cho vay tại Hợp đồng tín dụng và các Giấy nhận nợ là phù hợp với quy định của pháp luật. Tại phiên tòa, nguyên đơn đã cung cấp bảng tính lãi thể hiện căn cứ tính lãi, số tiền lãi phù hợp với thoả thuận trong hợp đồng hai bên đã ký kết. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 06/01/2026 là 90.169.270 đồng; trong đó: Nợ lãi trong hạn là 23.755.231 đồng, nợ lãi quá hạn là 62.020.492 đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 4.393.547 đồng.

[6] Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

+ Về tính pháp lý của Hợp đồng thế chấp:

[7] Ngày 11/04/2019, ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T và Ngân hàng TMCP Đ đã ký Hợp đồng thế chấp xe ô tô số 386/2019/HĐBĐ/PVB-HBT, tài sản thế chấp là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Sorento, số chỗ ngồi: 07, số khung: 51A6JC142227, số máy: G4KEJD013839, BKS: 30F-706.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/04/2019 cho HKD Lưu Văn H. Tài sản bảo đảm đã được đăng ký giao dịch bảo đảm theo Giấy chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm ngày 12/04/2019 của Trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản tại Hà Nội. Hợp đồng thế chấp được các bên tự nguyện ký kết và được công chứng phù hợp với quy định tại các điều 292, 298, 317, 318, 319 Bộ luật Dân sự; do đó, Hợp đồng thế chấp có hiệu lực với các bên.

+ Về yêu cầu phát mại tài sản bảo đảm:

[8] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp 02 lần nhưng do ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T không mang tài sản đến nên việc xem xét, thẩm định tại chỗ không tiến hành được. Tại bản tự khai, ông H xác nhận hiện nay vợ chồng ông vẫn đang quản lý, sử dụng chiếc xe này. Như vậy, cần căn cứ các điều 299, 320, 323 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quyền yêu cầu phát mại tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 386/2019/HĐBĐ/PVB-HBT ngày 11/04/2019 để thu hồi nợ trong trường hợp tìm thấy tài sản trên.

- Về án phí:

[9] Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với số tiền phải trả cho nguyên đơn là: 270.743.315 đồng x 5% = 15.538.000 đồng (làm tròn). Trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật số 85/2025/QH15 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Bộ luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại tại Toà án;

Căn cứ vào các điều 116, 117, 119, 292, 298, 299, 317, 318, 319, 320, 323, 463, 465, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào các điều 90, 91, 94, 95, 98 của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào các điều 7; 8; 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP Đ.

1.1. Về số tiền nợ: Ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T phải trả cho Ngân hàng TMCP Đ tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 06/01/2026 là 270.743.315 *(Hai trăm bảy mươi triệu, bảy trăm bốn mươi ba nghìn, ba trăm mười lăm)* đồng; trong đó: Nợ gốc là 180.574.045 *(Một trăm tám mươi triệu, năm trăm bảy mươi tư nghìn, không trăm bốn mươi lăm)* đồng, nợ lãi trong hạn là 23.755.231 *(Hai mươi ba triệu, bảy trăm năm mươi lăm nghìn, hai trăm ba mươi mốt)* đồng, nợ lãi quá hạn là 62.020.492 *(Sáu mươi hai triệu, không trăm hai mươi nghìn, bốn trăm chín mươi hai)* đồng, lãi phạt chậm trả lãi là 4.393.547 *(Bốn triệu, ba trăm chín mươi ba nghìn, năm trăm bốn mươi bảy)* đồng theo Hợp đồng cho vay số 277/2019/HĐCV/PVB-HBT ngày 11/4/2019.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong Hợp đồng tín dụng nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng các bên có thoả thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

1.2. Về việc phát mại tài sản thế chấp:

Trường hợp ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ trên thì Ngân hàng TMCP Đ được quyền yêu

cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mại tài sản bảo đảm để thu hồi nợ là 01 chiếc xe ô tô con nhãn hiệu Kia Sorento, số chỗ ngồi: 07, số khung: 51A6JC142227, số máy: G4KEJD013839, BKS: 30F-706.40. Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 588107 do Phòng Cảnh sát giao thông - Công an Thành phố Hà Nội cấp ngày 10/04/2019 cho HKD Lưu Văn H trong trường hợp tìm thấy tài sản trên

Trường hợp số tiền phát mại tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán toàn bộ khoản nợ thì ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T vẫn phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ cho Ngân hàng TMCP Đ.

2. Về án phí:

Ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T phải nộp 15.538.000 *(Mười lăm triệu, năm trăm ba mươi tám nghìn)* đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 6.300.000 *(Sáu triệu ba trăm nghìn)* đồng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004056 ngày 16/10/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng.

3. Về quyền kháng cáo đối với bản án:

Nguyên đơn Ngân hàng TMCP Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị đơn ông Lưu Văn H và bà Trần Thị T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND khu vực 5 - Hải Phòng;
- Phòng THADS khu vực 5 - Hải Phòng;
- Đương sự;
- Lưu : VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Hảo